



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 27/EKD/2024

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH EIKODO VIỆT NAM

Địa chỉ: Lô đất số J-2, khu Công nghiệp Thăng Long II, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 0221.3974.482

Fax: 0221.3974.483

Mã số doanh nghiệp (Mã số thuế): 0900902466

Nhà máy Eikodo đã được chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn Thực Phẩm FSSC 22000

Số giấy chứng nhận: FSSC 792627

Ngày cấp: 07/08/2023

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Thực phẩm bổ sung kẹo Multi Vitamin vị mật ong chanh

2. Thành phần:

Đường, mạch nha, chất điều chỉnh độ acid (INS 330), mật ong (0,49%), hương liệu mật ong tổng hợp, vitamin tổng hợp 0,38% 58mg/15g (Vitamin C, B3, E, B2, B6, B1, A, Acid folic, Biotin, D, B12), bột chanh vàng (0,15%), hương liệu chanh giống tự nhiên, bột sữa ong chúa (0,09%), chất tạo màu tự nhiên chiết xuất từ (hoa rum, annatto norbixin - based (160b(ii))).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 15 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách: Đóng túi/hộp với khối lượng tịnh 15g, 20g, 30g, 40g, 50g, 100g, 110g, 120g, 180g, 200g, 500g, 1kg, 5kg, 10kg.

Hoặc theo yêu cầu của khách hàng

- Chất liệu bao bì: Bao bì tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm PET/MCPP (Polyethylene Terephthalate ghép Metallized Cast Polypropylene) hoặc PET/AL/LLDPE (Polyethylene Terephthalate ghép Aluminum ghép Linear Low Density Polyethylene). Bao bì đạt chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm của Bộ Y Tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản xuất tại: CÔNG TY TNHH EIKODO VIỆT NAM

Địa chỉ: Lô đất số J-2, Khu Công nghiệp Thăng Long II, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên



Điện thoại: 0221 3974 482

Fax : 0221 3974 483

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân kinh doanh, sản xuất thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- Luật an toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 của Quốc Hội.
- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm.
- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Thủ tướng chính phủ ban hành về “nhãn hàng hóa”; nghị định số 111/2021/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa; thông tư số 29/2023/TT-BYT của Bộ Y Tế hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.
- Theo QCVN 8-2:2011/BYT của Bộ Y Tế về Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn Ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- Thông tư số 43/2014/TT-BYT của Bộ Y Tế ngày 24/11/2014 quy định về quản lý thực phẩm chức năng; thông tư số 17/2023/TT-BYT của Bộ Y Tế sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do bộ trưởng bộ y tế ban hành.
- Thông tư số 24/2019/TT-BYT của Bộ Y Tế quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
- Theo tiêu chuẩn Nhà sản xuất số: **09:2024/EKD/04**

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.



TỔNG GIÁM ĐỐC
FUKUNAGA ATSUHIRO

TIÊU CHUẨN NHÀ SẢN XUẤT

UBND TỈNH HƯNG YÊN	KẸO	Tiêu chuẩn số 09:2024/EKD/04
CÔNG TY TNHH EIKODO VIỆT NAM	THỰC PHẨM BỔ SUNG KẸO MULTI VITAMIN VỊ MẬT ONG CHANH	Có hiệu lực từ ngày ký

I. Các chỉ tiêu cảm quan

- Hình dạng: Hình oval dẹt
- Màu sắc: Màu sắc đặc trưng của sản phẩm
- Mùi, vị: Vị chua, ngọt, mùi vị đặc trưng của sản phẩm, không có mùi vị lạ.

II. Chỉ tiêu hóa lý, vi sinh, kim loại nặng

1. Chỉ tiêu hóa lý

STT	Chỉ tiêu hóa lý	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Tham khảo nhóm
1	Vitamin A	mg/100g	0.96 - 1.44	-
2	Vitamin D	µg/100g	7.04 - 10.56	
3	Vitamin E	mg/100g	16.54 - 24.82	
4	Vitamin C	mg/100g	246.3 - 369.4	
5	Vitamin B1	µg/100g	2055.2 - 3082.8	
6	Vitamin B2	mg/100g	2.6 - 3.9	
7	Vitamin B3	mg/100g	40.58 - 60.88	
8	Vitamin B6	mg/100g	2.4 - 3.6	
9	Vitamin B12	µg/100g	4.4 - 6.6	
10	Acid folic	µg/100g	381.6 - 572.4	
11	Biotin	mg/100g	0.048 - 0.072	

2. Chỉ tiêu vi sinh vật

STT	Chỉ tiêu vi sinh	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Tham khảo nhóm
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10^4	
2	Coliform	CFU/g	10	
3	Staphylococcus aureus	CFU/g	10	
4	Clostridium perfringens	CFU/g	10	
5	Bacillus cereus	CFU/g	10	
6	Tổng số bào tử nấm men, mốc	CFU/g	10^2	
7	E.Coli	CFU/g	10	

3. Chỉ tiêu kim loại nặng: QCVN 8-2:2011/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Tham khảo nhóm
1	Hàm lượng arsen (As)	mg/kg	1	Đường
2	Hàm lượng chì (Pb)	mg/kg	0.5	
3	Hàm lượng thủy ngân (Hg)	mg/kg	0.05	
4	Cadmium (Cd)	mg/kg	1	

4. Giá trị dinh dưỡng: Thông tư số 29/2023/TT-BYT của Bộ Y tế: Hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	
			Mức công bố trên 15g	NRV(%)*
1	Năng lượng	Kcal	47.7 - 71.5	2.4 - 3.6
2	Chất đạm	g	0	0.08 - 0.12
3	Carbohydrat	g	11.8 - 17.6	3.6 - 5.4
4	Đường tổng số	g	10.2 - 15.2	-
5	Chất béo	g	0.08 - 0.12	0.08 - 0.12
6	Chất béo bão hòa	g	0.08 - 0.12	0.24 - 0.36
7	Chất béo trans	g	0	-
8	Natri	mg	0.4 - 0.6	0

*Phần trăm giá trị dinh dưỡng hàng ngày được tính dựa trên chế độ ăn 2.000 kcal

5. Phụ gia thực phẩm: Thông tư 24/2019/TT-BYT quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

6. Thành phần cấu tạo:

Đường, mạch nha, chất điều chỉnh độ acid (INS 330), mật ong (0,49%), hương liệu mật ong tổng hợp, vitamin tổng hợp 0,38% 58mg/15g (Vitamin C, B3, E, B2, B6, B1, A, Acid folic, Biotin, D, B12), bột chanh vàng (0,15%), hương liệu chanh giống tự nhiên, bột sữa ong chúa (0,09%), chất tạo màu tự nhiên chiết xuất từ (hoa rum, annatto norbixin - based (160b(ii)).

7. Thời hạn sử dụng: Thời hạn 15 tháng kể từ ngày sản xuất

8. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:

Ăn sớm sau khi mở bao bì. Bảo quản nơi sạch sẽ, khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp

9. Chất liệu bao bì và quy cách bao gói:

- Quy cách: Đóng túi/hộp với khối lượng tịnh 15g, 20g, 30g, 40g, 50g, 100g, 110g, 120g, 180g, 200g, 500g, 1kg, 5kg, 10kg.

Hoặc theo yêu cầu của khách hàng

- Chất liệu bao bì: Bao bì tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm PET/MCPP (Polyethylene Terephthalate ghép Metallized Cast Polypropylene) hoặc PET/AL/LLDPE (Polyethylene Terephthalate ghép



Aluminum ghép Linear Low Density Polyethylene). Bao bì đạt chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm của Bộ Y Tế.

10. Các biện pháp phân biệt thật, giả: Không

11. Nội dung ghi nhãn

Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Thủ tướng chính phủ ban hành về “nhãn hàng hóa”; nghị định số 111/2021/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa; thông tư số 29/2023/TT-BYT của Bộ Y Tế hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.

1. Tên sản phẩm
2. Thành phần
3. Khối lượng tịnh
4. Ngày sản xuất và hạn sử dụng
5. Hướng dẫn bảo quản
6. Xuất xứ sản phẩm
7. Hướng dẫn sử dụng
8. Thông tin cảnh báo
9. Số hồ sơ tự công bố sản phẩm
10. Giá trị dinh dưỡng
11. Công ty chịu trách nhiệm về hàng hóa

12. Xuất xứ và thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa

Sản xuất tại: Công ty TNHH Eikodo Việt Nam

Địa chỉ: Lô đất số J-2, Khu công nghiệp Thăng Long II, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Điện thoại: 0221 3974 482

Fax : 0221 3974 483

Hưng Yên, ngày 30 tháng 09 năm 2024



TỔNG GIÁM ĐỐC

**TỔNG GIÁM ĐỐC
FUKUNAGA ATSUKIRO**

MẪU NHÃN SẢN PHẨM

Royal Jelly

Multi Vitamin Candy

11 Vitamins

C, B3, E, B2, B6, B1, A, Acid folic, Biotin, D, B12

Vị mật ong chanh

Honey Lemon Flavor

Bổ sung sữa ong chúa

15g

Kẹo Multi Vitamin

Thực phẩm bổ sung

Tên sản phẩm: THỰC PHẨM BỔ SUNG KẸO MULTI VITAMIN VỊ MẬT ONG CHANH

Thành phần: Đường, mạch nha, chất điều chỉnh độ acid (INS 330), mật ong (0,49%), hương liệu mật ong tổng hợp, vitamin tổng hợp 0,38% 58mg/15g (Vitamin C, B3, E, B2, B6, B1, A, Acid folic, Biotin, D, B12), bột chanh vàng (0,15%), hương liệu chanh giống tự nhiên, bột sữa ong chúa (0,09%), chất tạo màu tự nhiên chiết xuất từ (hoa rum, annatto norbixin - based (160b(ii))).

Khối lượng tịnh: 15g

Ngày sản xuất và hạn sử dụng: Ghi phía dưới.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi sạch sẽ, khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Sản xuất tại: CÔNG TY TNHH EIKODO VIETNAM

Lô đất số J-2, KCN Thăng Long II, Phường Dị Sử, Thị xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Xuất xứ: Việt Nam

Hướng dẫn sử dụng: Ăn sớm sau khi mở bao bì.

Thông tin cảnh báo: Nhà máy sản xuất sản phẩm này, sản xuất cả các sản phẩm có chứa hạt điều, sữa và các sản phẩm làm từ sữa (bơ).

Hồ sơ tự công bố số: 27/EKD/2024



MẪU NHÃN SẢN PHẨM

Giá trị dinh dưỡng (Nutrition facts)

Kích cỡ 1 phần ăn: 15g

Thành phần dinh dưỡng	Trên một phần ăn	NRV(%)*
Năng lượng (Energy)	59,6 kcal	3,0
Chất đạm (Protein)	0 g	0,1
Chất bột đường (Carbohydrates)	14,7 g	4,5
Đường tổng số (Total Sugar)	12,7 g	-
Chất béo (Total Fat)	0,1 g	0,1
Chất béo bão hòa (Saturated Fat)	0,1 g	0,3
Chất béo trans (Trans Fat)	0 g	-
Natri (Sodium)	0,5 mg	0

*Phần trăm giá trị dinh dưỡng hàng ngày được tính dựa trên chế độ ăn 2.000 kcal

Mã vạch: 8936117791178





110

90

Răng cửa 3:1

MADE IN JAPAN

15 g x 12 goli

11 Vitamins

Royal Jelly Multi Vitamin Candy

マルチビタミン

EIKODO

Wholesale Only Chiao

15g x 12 gói

Kẹo nhai Vitamin

Thực phẩm bổ sung

Bổ sung

Sữa Ông Chua

We Must Eat

マルチ

ビタミン

E B₁ C A D B₁₂ B₂

[illegible]
0361170133



Mã số/ Code: DV240810.09/01.1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. Tên Khách hàng/ : CÔNG TY TNHH EIKODO VIETNAM
Customer's Name
2. Địa chỉ/ : Lô Đất Số J-2, KCN Thăng Long II, Phường Dị Sử, Thị Xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng
Address Yên, Việt Nam
3. Tên mẫu thử/ : THỰC PHẨM BỔ SUNG KẸO MULTI VITAMIN VỊ MẬT ONG CHANH
Name of Sample
4. Mô tả mẫu/ : Mẫu đựng trong túi kín
Sample Description
5. Ngày nhận mẫu/ : 10/08/2024
Date sample received
6. Thời gian lưu mẫu/ : Không có mẫu lưu
Sample retention time
7. Ngày thử nghiệm/ : 10/08/2024-19/08/2024
Date of test
8. Ngày trả kết quả/ : 19/08/2024
Date of issue

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
1	Năng lượng	Kcal/100g	397,66	VNT.H.03.Fo.277
2	Carbohydrate tổng số	%	98,07	VNT.H.03.Fo.187
3	Carbohydrate hiệu dụng	%	98,07	VNT.H.03.Fo.187
4	Đạm tổng	%	0,22	Ref. TCVN 8125:2015
5	Béo tổng*	%	0,5	TCVN 4072:2009
6	Đường tổng số (quy về Glucose)	%	84,45	TCVN 4074:2009
7	Arsen (As)*	mg/kg	KPH (LOD = 0,05)	VNT.H.03.Fo.98 (2022)
8	Cadimi (Cd)*	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	TCVN 8126:2009
9	Chì (Pb)*	mg/kg	KPH (LOD = 0,025)	TCVN 8126:2009
10	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	TCVN 7604:2007

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
2. Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
4. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
5. Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b).
6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC & KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST
VNTEST INSTITUTE FOR QUALITY TESTING AND INSPECTION

Đc: Số 07, Ngách 168/21, Đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Điện thoại: 024.66.86.76.38 - Email: info@vntest.vn - Website: www.vntest.vn



VILAS 1296
ISO/IEC 17025:2017

VINCERTS 323

Mã số/ Code: DV240810.09/01.1

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
11	Natri (Na)	mg/kg	36,14	TCVN 10916:2015
12	Tổng số acid béo bão hòa	%	0,39	AOAC 996.06
13	Tổng số acid béo trans	%	0,03	AOAC 996.06
14	Vitamin C (Acid ascorbic)	mg/100g	307,87	VNT.H.03.Fo.56 (2021) (Ref. AOAC 2012.22 &TCVN 8977:2011)
15	Vitamin B3 (Niacin)	mg/100g	50,73	VNT.H.03.Fo.388
16	Vitamin E (Alpha-tocopherol)	mg/100g	20,68	VNT.H.03.Fo.63
17	Vitamin B2 (Riboflavin)	mg/100g	3,25	VNT.H.03.Fo.388
18	Vitamin B6 (Pyridoxine)	mg/100g	3,0	VNT.H.03.Fo.388
19	Vitamin B7 (Biotin)	mg/100g	0,06	VNT.H.03.Fo.388
20	Tổng số vi sinh vật hiếu khí*	CFU/g	$4,0 \times 10^2$	TCVN 4884-1:2015
21	Tổng số nấm men - nấm mốc*	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 8275-2:2010
22	Coliforms*	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 6848:2007
23	<i>E. coli</i> *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 7924-2:2008
24	<i>Staphylococcus aureus</i> *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 4830-1:2005
25	<i>Clostridium perfringens</i> *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 4991:2005
26	<i>Bacillus cereus</i> *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 4992:2005

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
2. Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
4. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
5. Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vincerts đánh dấu (b)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b).
6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC & KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST
VNTEST INSTITUTE FOR QUALITY TESTING AND INSPECTION

Đc: Số 07, Ngách 168/21, Đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Điện thoại: 024.66.86.76.38 - Email: info@vntest.vn - Website: www.vntest.vn



ISO/IEC 17025:2017

VIMCERTS 323

Mã số/ Code: DV240810.09/01.1

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
27	Bảng thành phần dinh dưỡng/ Nutrition Facts	-	Xem bảng đính kèm	-

Ghi chú/ Note:

- KPH: Không phát hiện.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp.
- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử. Biểu mẫu bảng dinh dưỡng chỉ có giá trị tham khảo. Quý khách vui lòng xem quy định hiện hành

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
QC Manager

VŨ THỊ KIM THANH

VIỆN TRƯỞNG
DIRECTOR



Ths. TRỊNH CÔNG SƠN

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



BẢNG THÀNH PHẦN DINH DƯỠNG/ NUTRITION FACTS

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)			
Thành phần dinh dưỡng	Trên 100 g		% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)*
Năng lượng (Energy)	397.66	Kcal	20%
Chất đạm (Protein)	0.22	g	0%
Carbohydrate hiệu dụng	98.07	g	30%
Đường tổng số (Total Sugars)	84.45	g	-
Chất béo (Fat)	0.5	g	1%
Natri (Sodium)	3.614	mg	0%
* % giá trị dinh dưỡng tham chiếu được tính dựa trên chế độ ăn 2.000kcal/người/ngày.			



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Report N°: 0000663927

Page N° 1/4

Ho Chi Minh City, Date: September 11, 2024

TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 11/09/2024

ANALYSIS REPORT

BÁO CÁO PHÂN TÍCH

JOB NO.: 2408A-4413

Đơn hàng: 2408A-4413

CLIENT'S NAME

Tên khách hàng

EIKODO VIETNAM CO., LTD
CÔNG TY TNHH EIKODO VIỆT NAM

CLIENT'S ADDRESS

Địa chỉ

PLOT NO. J-2, THANG LONG INDUSTRIAL PARK II, DI SU WARD, MY HAO
TOWN, HUNG YEN PROVINCE, VIETNAM
LÔ ĐẤT SỐ J-2, KHU CÔNG NGHIỆP THĂNG LONG II, PHƯỜNG DỊ SỬ, THỊ XÃ MỸ
HẢO, TỈNH HƯNG YÊN, VIỆT NAM

SAMPLE INFORMATION:

THÔNG TIN MẪU

Sampled/ Submitted by

Được lấy/ gửi bởi

Client
Khách hàng

Client's reference

Chú thích của khách hàng

THỰC PHẨM BỔ SUNG KẸO MULTI VITAMIN VỊ MẬT ONG
CHANH

The above information is submitted and identified by the client/applicant.
Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

Sample description

Mô tả mẫu

Food (approx. gr. wt. 0.5kg) in the full labeled plastic container
Thực phẩm (khoảng 0.5kg bao gồm bao bì) chứa trong vật chứa bằng nhựa
nhãn mác đầy đủ

Sample ID

Mã số mẫu

2408A-4413.001

Date sample(s) received

Ngày nhận mẫu

August 30, 2024
30/08/2024

Testing period

Thời gian thử nghiệm

August 30, 2024 - September 10, 2024
30/08/2024 - 10/09/2024

Test(s) requested

Yêu cầu thử nghiệm

As applicant's requirement
Theo yêu cầu của khách hàng

Test result(s)

Kết quả kiểm nghiệm

Please refer to the next page(s)
Vui lòng tham khảo trang sau

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot II/21, St. 19/5A, Group CN III, Tân Bình IZ, Tây Thanh Ward,
Tân Phú Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service
<<http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>>. Attention is drawn to the limitations
of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of
this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings
at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The
Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties
to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction
documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or
appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest
extent of the law.



Report N°: 0000663927

Page N° 2/4

TEST RESULT(S)

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
1. Vitamin A (determined and expressed as retinol) <i>Vitamin A (xác định và thể hiện dưới dạng retinol)</i>	LFOD-TST-SOP-8596	1.2	0.02	0.05	mg/100g	
2. Vitamin B12 (Cyanocobalamin) <i>Vitamin B12 (Cyanocobalamin)</i>	ISO 20634:2015	5.5	0.05	0.15	µg/100g	
3. Vitamin D (sum of vitamin D2 and vitamin D3) <i>Vitamin D (tổng của vitamin D2 và vitamin D3)</i>	ISO 20636:2018	8.8	_(a)	_(a)	µg/100g	
4. Vitamin D2 (ergocalciferol) <i>Vitamin D2 (ergocalciferol)</i>	ISO 20636:2018	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.1	0.3	µg/100g	
5. Vitamin D3 (cholecalciferol) <i>Vitamin D3 (cholecalciferol)</i>	ISO 20636:2018	8.8	0.1	0.3	µg/100g	

Note/Ghi chú:

- All methods were accredited with ISO 17025 by BoA or AOSC (without or with a triangle symbol (Δ) after the methods, respectively), except for the methods/analytes marked with an asterisk (*).
Tất cả phương pháp được công nhận ISO 17025 bởi BoA hoặc AOSC (không có hoặc có kí hiệu hình tam giác (Δ) tương ứng ngay sau phương pháp), ngoại trừ những phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao ().*
- All methods were performed by SGS Vietnam Ltd (the ones marked with the superscript number one (¹) were performed by SGS Can Tho Lab), except for the ones that were done by subcontractors (their names were mentioned in the parentheses after the method) and marked with two asterisks (**) after the analyte name.
*Tất cả phương pháp thử được thực hiện bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH (phương pháp được đánh dấu với chữ số một bên trên (¹) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ), trừ các phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ (tên nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn ngay sau phương pháp) và được đánh dấu hai sao (**) sau tên chỉ tiêu.*
- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
- Testing time of all analytes was stated in the "Testing Period" (page 1) unless specified separately.
Thời gian thử nghiệm của tất cả chỉ tiêu phân tích được đề cập tại "Thời gian thử nghiệm" (trang 1) trừ khi được chỉ rõ riêng.
- LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.
LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là Không phát hiện.

LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as <LOQ. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below LOQ, or it was expressed as less than the sum of the individual LOQs of detected analytes when the concentration of all detected analytes was <LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g (or <10 cfu/mL) if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g (or <1 cfu/mL) if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g (or <100 cfu/mL) for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0000663927

Page N° 3/4

pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g (or 0 MPN/mL) for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g (or 1 mL) in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g (or 0 MPN/0.1mL) for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g (or 0.1 mL) in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).

LOQ = Giới hạn định lượng. Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là <LOQ. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng, hoặc được biểu thị dưới dạng nhỏ hơn tổng của các LOQ riêng lẻ của các chất phân tích phát hiện khi nồng độ tất cả các chất phát hiện đều <LOQ. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đổ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g (hoặc <10 cfu/mL) nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g (hoặc <1 cfu/mL) nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g (hoặc <100 cfu/mL) đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/điện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kỳ phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g (hoặc 0 MPN/mL) với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g (hoặc 1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g (hoặc 0 MPN/0.1mL) với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g (hoặc 0.1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất).

_(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum analyte.

_(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

PHOTO APPENDIX/PHỤ LỤC HÌNH ẢNH



SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/terms-and-conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0000663927

Page N° 4/4

REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

*** END OF THE REPORT ***

Your feedback helps us improve our service.
Please scan and rate us here



[Customer's feedback - Food Lab](#)

Signed for and on behalf of
SGS Vietnam LTD
Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam
Lâm Văn Xự



Lâm Văn Xự
Giám Đốc Ngành Sức Khỏe Và Dinh Dưỡng



SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot II/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn



Report N°: 0000684445

Page N° 1/4

Ho Chi Minh City, Date: September 30, 2024

TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 30/09/2024

ANALYSIS REPORT

BÁO CÁO PHÂN TÍCH

JOB NO.: 2409A-2881

Đơn hàng: 2409A-2881

CLIENT'S NAME

Tên khách hàng

EIKODO VIETNAM CO., LTD
CÔNG TY TNHH EIKODO VIỆT NAM

CLIENT'S ADDRESS

Địa chỉ

PLOT NO. J-2, THANG LONG INDUSTRIAL PARK II, DI SU WARD, MY HAO
TOWN, HUNG YEN PROVINCE, VIETNAM
LÔ ĐẤT SỐ J-2, KHU CÔNG NGHIỆP THĂNG LONG II, PHƯỜNG DI SỬ, THỊ XÃ MỸ
HẢO, TỈNH HƯNG YÊN, VIỆT NAM

SAMPLE INFORMATION:

THÔNG TIN MẪU

Sampled/ Submitted by

Được lấy/ gửi bởi

Client
Khách hàng

Client's reference

Chú thích của khách hàng

THỰC PHẨM BỔ SUNG KẸO MULTI VITAMIN VỊ MẬT ONG
CHANH

The above information is submitted and identified by the client/applicant.
Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

Sample description

Mô tả mẫu

Food (approx. gr. wt. 0.3kg) in the plastic container
Thực phẩm (khoảng 0.3kg bao gồm bao bì) chứa trong vật chứa bằng nhựa

Sample ID

Mã số mẫu

2409A-2881.001

Date sample(s) received

Ngày nhận mẫu

September 23, 2024
23/09/2024

Testing period

Thời gian thử nghiệm

September 23, 2024 - September 28, 2024
23/09/2024 - 28/09/2024

Test(s) requested

Yêu cầu thử nghiệm

As applicant's requirement
Theo yêu cầu của khách hàng

Test result(s)

Kết quả kiểm nghiệm

Please refer to the next page(s)
Vui lòng tham khảo trang sau

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 t(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service
<<http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>>. Attention is drawn to the limitations
of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of
this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings
at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The
Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties
to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction
documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or
appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest
extent of the law.



Report N°: 0000684445

Page N° 2/4

TEST RESULT(S)

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
1. Vitamin B1 (thiamin) <i>Vitamin B1 (thiamin)</i>	LFOD-TST-SOP-8575	2569	3	10	µg/100g	
2. Folic acid (PteGlu) <i>Axit folic</i>	LFOD-TST-SOP-8454	477	1	3	µg/100g	

Note/Ghi chú:

- All methods were accredited with ISO 17025 by BoA or AOSC (without or with a triangle symbol (Δ) after the methods, respectively), except for the methods/analytes marked with an asterisk (*).
Tất cả phương pháp được công nhận ISO 17025 bởi BoA hoặc AOSC (không có hoặc có kí hiệu hình tam giác (Δ) tương ứng ngay sau phương pháp), ngoại trừ những phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao ().*
- All methods were performed by SGS Vietnam Ltd (the ones marked with the superscript number one (¹) were performed by SGS Can Tho Lab), except for the ones that were done by subcontractors (their names were mentioned in the parentheses after the method) and marked with two asterisks (**) after the analyte name.
*Tất cả phương pháp thử được thực hiện bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH (phương pháp được đánh dấu với chữ số một bên trên (¹) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ), trừ các phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ (tên nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn ngay sau phương pháp) và được đánh dấu hai sao (**) sau tên chỉ tiêu.*
- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
- Testing time of all analytes was stated in the "Testing Period" (page 1) unless specified separately.
Thời gian thử nghiệm của tất cả chỉ tiêu phân tích được đề cập tại "Thời gian thử nghiệm" (trang 1) trừ khi được chỉ rõ riêng.

- LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.
LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là Không phát hiện.

LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as <LOQ. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below LOQ, or it was expressed as less than the sum of the individual LOQs of detected analytes when the concentration of all detected analytes was <LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g (or <10 cfu/mL) if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g (or <1 cfu/mL) if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g (or <100 cfu/mL) for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g (or 0 MPN/mL) for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g (or 1 mL) in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g (or 0 MPN/0.1mL) for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g (or 0.1 mL) in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).

LOQ = Giới hạn định lượng. Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là <LOQ. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng, hoặc được biểu thị dưới dạng nhỏ hơn tổng của các LOQ riêng lẻ của các chất phân tích phát hiện khi nồng độ tất cả các chất phát hiện đều <LOQ. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đổ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g (hoặc <10 cfu/mL) nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g (hoặc <1 cfu/mL) nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g (hoặc <100 cfu/mL) đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/diện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tân Bình IZ, Tây Thanh Ward, Tân Phú Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn



Report N°: 0000684445

Page N° 3/4

không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ qui định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g (hoặc 0 MPN/mL) với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g (hoặc 1 mL) ở đáy ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g (hoặc 0 MPN/0.1mL) với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g (hoặc 0.1 mL) ở đáy ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở đáy ống có nồng độ cao nhất).

_(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum analyte.

_(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

PHOTO APPENDIX PHỤ LỤC HÌNH ẢNH



REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

*** END OF THE REPORT ***

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0000684445

Page N° 4/4

Your feedback helps us improve our service.
Please scan and rate us here



Customer's feedback - Food Lab

Signed for and on behalf of
SGS Vietnam LTD
Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam
Lâm Văn Xự



SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tây Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/terms-and-conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

CÔNG TY TNHH EIKODO VIỆT NAM

**ĐỊA CHỈ: LỘ ĐẠT SỐ J2, KHU CÔNG NGHIỆP THẮNG LONG 2,
PHƯỜNG DI SỬ, THỊ XÃ MỸ HẠO, HƯNG YÊN**



**BẢNG TÍNH MỨC ĐÁP ỨNG NHU CẦU DINH DƯỠNG KHUYẾN NGHỊ VITAMIN
VÀ KHOÁNG CHẤT HÀNG NGÀY**

(Theo Thông tư 43/2014/TT-BYT ngày 24 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

Tên sản phẩm: Thực phẩm bổ sung kẹo Multi Vitamin vị mật ong chanh

STT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Mức công bố trong 100g	Lượng dùng tối đa theo hướng dẫn nhà sản xuất (8 viên x 2.2g = 17.6g)	% Đáp ứng nhu cầu hàng ngày														
					Trẻ em 3 tuổi	Trẻ em 4-6 tuổi	Trẻ em 7-9 tuổi	Nam vị thành niên 10-12	Nam vị thành niên 13-15	Nam vị thành niên 16-18	Nữ vị thành niên 10-12	Nữ vị thành niên 13-15	Nữ vị thành niên 16-18	Nam trưởng thành 19-50 tuổi	Nam trưởng thành 51-60	Nam trưởng thành > 60	Nữ trưởng thành 19-50	Nữ trưởng thành 51-60	Nữ trưởng thành > 60
1	Vitamin A	mcg	1200.00	211.20	52.8	46.9	42.2	35.2	35.2	35.2	35.2	35.2	35.2	35.2	35.2	35.2	42.2	42.2	35.2
2	Vitamin D	mcg	8.80	1.55	31.0	31.0	31.0	31.0	31.0	31.0	31.0	31.0	31.0	31.0	15.5	15.5	15.5	15.5	10.3
3	Vitamin E	mg	20.68	3.64	72.8	60.7	52.0	36.4	30.3	28.0	33.1	30.3	30.3	30.3	30.3	30.3	30.3	30.3	30.3
4	Vitamin C	mg	307.87	54.19	180.6	180.6	154.8	83.4	83.4	83.4	83.4	83.4	83.4	77.4	77.4	77.4	77.4	77.4	77.4
5	Vitamin B1	mg	2.57	0.45	90.4	75.4	50.2	37.7	37.7	37.7	41.1	41.1	41.1	37.7	37.7	37.7	37.7	41.1	41.1
6	Vitamin B2	mg	3.25	0.57	114.4	95.3	63.5	44.0	44.0	44.0	52.0	52.0	52.0	44.0	44.0	44.0	52.0	52.0	52.0
7	Vitamin B3	mg	50.73	8.93	148.8	111.6	74.4	55.8	55.8	55.8	55.8	55.8	55.8	55.8	55.8	55.8	63.8	63.8	63.8
8	Vitamin B6	mg	3.00	0.53	105.6	88.0	52.8	40.6	40.6	40.6	44.0	44.0	44.0	40.6	31.1	31.1	40.6	35.2	35.2
9	Vitamin B12	mcg	5.50	0.97	107.6	80.7	53.8	40.3	40.3	40.3	40.3	40.3	40.3	40.3	40.3	40.3	40.3	40.3	40.3
10	Acid folic	mcg	477	83.95	52.5	42.0	28.0	21.0	21.0	21.0	21.0	21.0	21.0	21.0	21.0	21.0	21.0	21.0	21.0
11	Biotin	mcg	60.00	10.56	132.0	88.0	88.0	52.8	42.2	42.2	52.8	42.2	42.2	35.2	35.2	35.2	35.2	35.2	35.2

"Ghi chú: % DV: Mức đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (tính bằng % mức đáp ứng) của lượng Vitamin và khoáng chất trung bình RNI được công bố trên nhãn sản phẩm tương ứng với lượng dùng cho từng độ tuổi. Mức khuyến nghị RNI theo phụ lục ""nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị cho người Việt Nam"" ban hành kèm theo thông tư số 43/2014/TT-BYT ngày 24/11/2014 của Bộ Y Tế.

(-) Không quy định bởi phụ lục bảng ""nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị cho người Việt Nam"" ban hành kèm theo thông tư số 43/2014/TT-BYT ngày 24/11/2014 của Bộ Y Tế."

Certificate of Registration

BSI Assurance UK Limited certifies that the Food Safety Management System of:

EIKODO VIETNAM CO., LTD
Plot No. J-2, Thang Long Industrial Park II, Di Su Ward,
My Hao Town, Hung Yen Province
Vietnam

Has been assessed and determined
to comply with the requirements of:

FSSC 22000

Certification scheme for food safety
management systems consisting of
the following elements:

ISO 22000:2018,
ISO/TS 22002-1:2009
Additional FSSC 22000 requirements (Version 6)

This certificate is applicable for the
scope of:

The Processing (cooking, mixing, moulding, wrapping) of candies
and supplement candies (hard, soft, lollipop, jelly) packed in
flexible packaging.

Food Chain Subcategory:
CIV - Processing of Ambient Stable Products

Date of the last unannounced audit*:	10 April 2024
Certificate registration number:	FSSC 792627
COID Code:	VNM-1-8055-169004
Certification decision date:	28 May 2024
Initial certification date:	07 August 2023
Issue date:	31 May 2024
Valid until:	06 August 2026

*At least one (1) surveillance audit is required to be undertaken unannounced after the
initial certification audit and within each three (3) year period thereafter.



Authorized by:


Matt Page

Managing Director Assurance – UK & Ireland

On behalf of BSI Vietnam:



Le Duyen Anh
Managing Director Vietnam

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH HƯNG YÊN
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0900902466

Đăng ký lần đầu: ngày 09 tháng 12 năm 2014

Đăng ký thay đổi lần thứ: 9, ngày 06 tháng 07 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH EIKODO VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: EIKODO VIETNAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: EKD

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô đất số J-2, Khu công nghiệp Thăng Long II, Phường Dị Sĩ, Thị xã Mỹ Hòa, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 0221 3974482

Fax: 0221 3974483

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ

94.578.750.000 đồng

Bằng chữ: Chín mươi bốn tỷ năm trăm bảy mươi tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng

Tương đương 4.220.000 đô la Mỹ

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: EIKODO HOLDINGS CO., LTD

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 2000-01-013754

Ngày cấp: 28/07/1933 Nơi cấp: Sở Tư pháp Gifu, Nhật Bản

Địa chỉ trụ sở chính: 50 Tawaramachi Ogaki Gifu, Nhật Bản

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* **Họ và tên:** FUKUNAGA ATSUHIRO

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 12/06/1974

Dân tộc: Quốc tịch:

Nhật Bản

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: TZ2033887

Ngày cấp: 17/06/2020

Nơi cấp: Đại sứ quán Nhật Bản tại Việt Nam

Địa chỉ thường trú: Phòng 2103 Alsa Tower 32, 15-2, Motogo2, thành phố Kawaguchi, tỉnh Saitama, Nhật Bản

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 0608 tòa M1, Vinhomes Metropolis, số 29 Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



Doãn Thị Lâm

BS.THU MINH
(Biên soạn)



Tủ sách thầy thuốc gia đình



BÁCH KHOA



VITAMIN



NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

4. CÁC LOẠI VITAMIN

◆ Vitamin A (retinol)

Vitamin A là chất tan trong mỡ, muốn tiêu hoá và hấp thu vitamin A cần phải có sự tham dự của chất khoáng và mỡ (lipit), có thể tích trữ trong cơ thể và không cần phải cung cấp bổ sung hằng ngày. Vitamin A có 2 loại: vitamin A alcohols, là hình thức vitamin A đầu tiên và caroten là chất chuyển biến thành vitamin A trong cơ thể, có thể lấy được từ thức ăn động vật và thức ăn thực vật.

** Lượng hấp thụ cần thiết mỗi ngày*

Người lớn, đàn ông mỗi ngày cần hấp thu 500 IU (đơn vị quốc tế) ($1\text{IU} = 0,3\mu\text{g}$) thì sẽ không bị thiếu, phụ nữ cần 4000 IU, phụ nữ mang thai theo tài liệu mới nhất thì cũng không cần tăng lên, nhưng phụ nữ đang cho con bú thì trong 6 tháng đầu, mỗi ngày tăng thêm 2500 IU, còn 6 tháng sau thì chỉ cần tăng thêm 2000 IU.

** Chu kì bổ sung*

Đề nghị bổ sung hằng ngày.

** Nguồn thức ăn chứa vitamin A*

Gan, cà rốt, củ cải trắng, rau lá vàng, xanh, trái cây màu vàng, trứng, sữa bò, dầu gan cá...

** Nhóm người cần bổ sung vitamin A*

Những người hấp thu chất béo kém lâu ngày, như những người mắc bệnh đường tiêu hoá, cắt bỏ một phần ruột, dạ dày

Bách khoa Vitamin

thường bị thiếu vitamin A. Những trường hợp này thường xảy ra ở trẻ dưới 5 tuổi, chủ yếu do ăn uống không đủ.

Vitamin A là chất dinh dưỡng quan trọng đối với những người phải đeo kính lâu ngày hoặc những người phải ngồi trước màn hình máy tính nhiều thời gian.

Phụ nữ mang thai và đang cho con bú cũng rất cần vitamin A.

** Chứng bệnh thiếu vitamin A*

Thiếu vitamin A trong thời gian dài sẽ dẫn đến chứng mắt khô và chứng quáng gà, thậm chí còn dẫn đến bị mù.

** Biểu hiện quá lượng vitamin A*

Dị ứng, sốt nóng, ỉa chảy, đau đầu, các triệu chứng trên sẽ mất dần sau 6 tiếng đồng hồ.

◆ Vitamin B1 (thiamin)

Vitamin B1 là loại vitamin hoà tan trong nước, cũng giống như các loại vitamin nhóm B khác, vitamin B1 còn dư lại sẽ không được tích trữ trong cơ thể mà bị thải hết ra ngoài cơ thể, cho nên phải bổ sung hằng ngày, giữa vitamin nhóm B cũng có tác dụng hỗ trợ nhau, một lần hấp thu toàn bộ vitamin nhóm B sẽ có hiệu quả tốt hơn so với hấp thu từng loại riêng. Nếu tỉ lệ hấp thu vitamin B1, B2, B6 không đều nhau thì không có hiệu quả. Nên theo tỉ lệ sau: B1 50mg, B2 50mg, B6 50 mg.

** Lượng hấp thu mỗi ngày*

Người lớn mỗi ngày hấp thu 1 - 1,5 mg, phụ nữ mang thai và đang cho con bú mỗi ngày 1,5 - 1,6 mg. Khi bị ốm, sinh hoạt cũng căng thẳng, bị mổ xẻ phải tăng thêm lượng hấp thu vitamin B1 được coi là vitamin tinh thần là vì vitamin B1 có ảnh hưởng rất tốt tới trạng thái tinh thần và các tổ chức thần kinh.

** Chu kì bổ sung*

Vitamin B1 chỉ giữ lại trong cơ thể 3 - 6 tiếng đồng hồ, cho nên phải bổ sung hằng ngày.

** Nguồn thức ăn chứa vitamin B2*

Gạo, cám gạo, lạc, thịt lợn, cà chua, cà, cải trắng, sữa bò...

** Nhóm người cần bổ sung vitamin B1*

Những người không muốn ăn uống, bệnh dạ dày, tóc khô, trí nhớ giảm, co cơ... chứng tỏ là bị thiếu vitamin B1.

Những người hút thuốc, uống rượu, thích ăn đường trắng phải tăng cường lượng hấp thu vitamin B1.

Những người mang thai đang trong thời kì cho con bú hoặc phụ nữ uống thuốc tránh thai phải cần một lượng vitamin B1 lớn.

Nếu như sau bữa ăn bạn phải uống thuốc chữa dạ dày thì bạn sẽ mất đi vitamin B1 đã hấp thu được trong bữa ăn đó.

Những người trong trạng thái căng thẳng như ốm đau, lo nghĩ, đánh nhau, sau phẫu thuật không chỉ cần B1 mà còn cần tất cả các loại vitamin nhóm B.



Bách khoa Vitamin

** Chứng thiếu vitamin B1*

Thiếu B1 sẽ sinh ra bệnh tê phù.

** Biểu hiện quá liều lượng vitamin B1*

Nếu bổ sung quá liều lượng sẽ sinh ra triệu chứng tức thở nhẹ hoặc lơ mơ buồn ngủ.

** Công dụng của vitamin B1*

- Giúp cho tiêu hoá, đặc biệt là tiêu hoá cacbohydrat (đường).
- Cải thiện trạng thái tinh thần, làm cho trí não hết mệt mỏi.
- Duy trì cho tổ chức thần kinh, cơ bắp, tim hoạt động bình thường.
- Giảm say xe, say tàu.
- Chữa bệnh tê phù.
- Làm giảm đau sau khi nhổ răng.
- Chữa giảm mụn nước.
- Tăng cường trí nhớ.

◆ Vitamin B2 (riboflavin)

Vitamin B2 là vitamin tan trong nước, dễ tiêu hoá hấp thu. Lượng vitamin bị thải ra ngoài cơ thể sẽ tăng giảm, cùng với nhu cầu cơ thể và mức độ mất protein. Chúng không được tích trữ trong cơ thể cho nên bình thường phải bổ sung bằng thức ăn hoặc thuốc bổ dinh dưỡng. Khác với B1, B2 chịu nhiệt, chịu axit và chịu được oxy hoá.

*** Lượng hấp thu cần thiết mỗi ngày**

Người lớn mỗi ngày nên hấp thu 1,2 - 1,7mg. Phụ nữ mang thai mỗi ngày cần 1,6mg, thời kì nuôi con bú, trong 6 tháng đầu mỗi ngày 1,8mg; 6 tháng sau mỗi ngày 1,7mg. Những người thường xuyên trong trạng thái căng thẳng đề nghị tăng thêm lượng hấp thu.

*** Chu kì bổ sung**

Chỉ có một số lượng ít lưu lại trong cơ thể cho nên phải bổ sung hằng ngày.

Nguồn thức ăn chứa vitamin B2:

Sữa bò, gan, rau xanh, trứng, cá, bơ...

*** Nhóm người cần vitamin B2**

Phụ nữ dùng thuốc tránh thai, đang mang thai hoặc đang trong thời kì cho con bú sẽ cần nhiều vitamin B2 hơn.

Những người không ăn thịt nạc và sản phẩm sữa thường xuyên thì phải tăng thêm vitamin B2.

Những người bị viêm loét hoặc bệnh tiểu đường phải hạn chế ăn uống trong thời gian dài dễ xuất hiện hiện tượng thiếu vitamin B2.

Đối với những người căng thẳng thần kinh phải tăng hấp thu vitamin tổng hợp, phải tăng cùng với vitamin B6, C và axit nicotinic, như vậy hiệu quả tác dụng sẽ tốt nhất.



Bách khoa Vitamin

**** Chứng thiếu vitamin B2***

Những người bị thiếu vitamin B2 sẽ dễ bị các bệnh viêm miệng, lưỡi, da, cơ quan sinh dục...

**** Công dụng của vitamin B2***

- + Thúc đẩy sự phát triển và tái sinh tế bào.
- + Thúc đẩy da, móng chân móng tay, tóc phát triển bình thường.
- + Chữa viêm miệng, môi, lưỡi...
- + Tăng thị lực, làm cho mắt đỡ mỏi.
- + Cùng với các chất khác giúp chuyển hoá cacbohydrat và lipit.

◆ Vitamin B3 (niacin, axit nicotinic)

Vitamin B3 là vitamin cần nhiều nhất cơ thể trong số vitamin nhóm B. Nó không những là vitamin duy trì sự khoẻ mạnh cho hệ thống tiến hoá, mà cũng là chất không thể thiếu được để hợp thành hoocmôn sinh dục. Đối với những người có cuộc sống đầy áp lực hiện nay thì niacin có tác dụng duy trì hoạt động bình thường của não và giữ cho hệ thống thần kinh khoẻ mạnh.

**** Lượng hấp thu cần thiết mỗi ngày***

Người lớn mỗi ngày nên hấp thu 13 - 19mg. Phụ nữ mang thai là 20mg, còn phụ nữ đang nuôi con bú là 22mg.

** Nguồn thức ăn chứa vitamin B3*

Sản phẩm lúa mì, gạo lức, đỗ xanh, vừng, lạc, nấm hương, táo đỏ, sữa, trứng, thịt gà, gan, thịt lợn nạc, cá.

** Nhóm người cần vitamin B3*

Những người thừa cholesterol có thể tăng thêm lượng hấp thu vitamin B3.

Những người da bị dị ứng ánh nắng mặt trời là triệu chứng đầu tiên của việc thiếu niacin, những người viêm da, bong da, khô da đều cần vitamin B3.

Những người thiếu vitamin B1, B6, B2 trong cơ thể là do không thể từ tryptophan hợp thành niacin được, cho nên cần phải bổ sung ngoài.

Những người thường xuyên căng thẳng thần kinh thậm chí mắc bệnh thần kinh phân liệt cần bổ sung vitamin B3.

Những người mắc bệnh tiểu đường, tuyến giáp trạng... cần bổ sung niacin.

** Chứng thiếu vitamin B3*

Nếu thiếu vitamin B3 sẽ bị bệnh khô da.

** Công dụng của vitamin B3*

+ Thúc đẩy hệ thống tiêu hoá, giảm bệnh đường ruột.

+ Làm đẹp da.

+ Phòng chữa đau đầu

- + Chữa vết thương mau lành.
- + Tạo ra kháng thể, chống các bệnh truyền nhiễm.
- + Chống mệt mỏi.
- + Chống tác dụng phụ của thuốc kháng sinh và độc tố.
- + Chống triệu chứng tiền mãn kinh.
- + Chống nôn.

◆ Vitamin B6 (pyridoxic)

Vitamin B6 là loại vitamin tan trong nước, sau khi tiêu hoá trong vòng 8 tiếng đồng hồ sẽ thải ra ngoài cơ thể, cho nên phải bổ sung bằng thức ăn hoặc thuốc bổ. Trên thực tế, vitamin B6 được hợp thành từ mấy chất, là chất cần thiết để tạo thành kháng thể và hồng cầu, khi ăn những thức ăn đậm cao thì phải tăng thêm lượng vitamin B6. Vì vi khuẩn trong đường ruột có khả năng hợp thành B6, cho nên ăn nhiều rau là rất cần thiết. Ngoài ra, khi tiêu hoá vitamin B12 thì không thể thiếu B6. Vitamin B6 cũng rất cần thiết để tạo ra axit clohydric và magiê.

** Lượng cần thiết mỗi ngày*

Lượng cần thiết mỗi ngày của người lớn là 1,6 - 2,0mg. Phụ nữ đang mang thai cần 2,2mg, đang nuôi con bú cần 2,1mg. Vitamin B6 có tác dụng phối hợp với vitamin B2, axit pantothenic (B5), vitamin C và magiê thì hiệu quả sẽ rất tốt.

Bách khoa Vitamin

** Chu kì bổ sung*

Vitamin B6 chỉ lưu giữ trong cơ thể 8 tiếng đồng hồ, cho nên phải bổ sung hằng ngày.

** Thức ăn chứa vitamin B6*

Rau xanh, bia, cám gạo, mạch nha, gan, đậu tương, su hào, gạo nứt, trứng, lạc...

** Nhóm người cần vitamin B6*

Những người thiếu máu, viêm da, viêm miệng lưỡi đều có liên quan tới việc thiếu vitamin B6.

Những phụ nữ uống thuốc tránh thai cần tăng thêm lượng vitamin B6.

Những người ăn nhiều đạm phải uống thêm vitamin B6.

** Chứng thiếu vitamin B6*

Nếu thiếu vitamin B6 sẽ sinh ra thiếu máu, viêm da, viêm lưỡi.

Biểu hiện dùng vitamin B6 quá liều lượng. Tác dụng phụ không lớn.

** Công dụng*

- Điều hoà tiêu hoá, hấp thu protein và lipit.
- Giúp chuyển hoá tryptophan trong axit amin cần thiết thành niacin.
- Phòng chống các bệnh thần kinh, da.

- Chống nôn.
- Thúc đẩy sự hợp thành axit nucleic, chống lão hoá các cơ quan tổ chức trong cơ thể.
- Giảm triệu chứng khô miệng, tiểu khó do uống thuốc chống trầm cảm gây ra.
- Giảm co giật cơ (chuột rút) ban đêm.
- Là thuốc lợi tiểu thiên nhiên.

◆ Vitamin B11 (axit folic)

Đây là loại vitamin vô cùng cần thiết đối với những phụ nữ sắp làm mẹ, chúng không thể thiếu trong việc phân chia tế bào, nó có thể đề phòng cho thai nhi không bị khiếm khuyết về một số hệ thống thần kinh bẩm sinh nào đó và không bị thiếu hồng cầu, bạch cầu, truyền được mật mã di truyền, tránh cho thai nhi khỏi bị dị tật, có ảnh hưởng rất lớn tới sinh mệnh bé nhỏ của đứa trẻ.

* *Lượng cần thiết mỗi ngày*

Người lớn cần mỗi ngày là 180 - 200mg. Phụ nữ mang thai cần gấp đôi. Phụ nữ nuôi con bú trong 6 tháng đầu mỗi ngày cần 280mg, 6 tháng sau mỗi ngày cần 260mg.

* *Thức ăn chứa vitamin B11*

Gan, rau lá màu xanh, sẫm, cà rốt, bí ngô, khoai tây, đậu, chuối tiêu, ớt, quả vỏ cứng, lòng đỏ trứng, dầu gan cá...

Bách khoa Vitamin

**** Nhóm người cần vitamin B11***

Phụ nữ mang thai hoặc đang cho con bú phải chú ý đặc biệt đến việc tăng thêm lượng vitamin B11.

- Nếu uống rượu thường xuyên thì phải ăn nhiều vitamin B11.

- Vitamin C nhiều sẽ làm cho axit folic thải ra nhanh, cho nên những người hấp thu trên 2g vitamin C thì phải tăng thêm lượng axit folic.

- Những người đang uống loại sunphamit, thuốc an thần, thuốc aspirin, hoocmôn... thì cần phải tăng thêm lượng axit folic.

**** Chứng thiếu vitamin B11***

Thiếu máu, viêm lưỡi, triệu chứng thần kinh nhẹ như mất ngủ, hay quên, lo lắng bồn chồn.

◆ Vitamin B12 (cabalasimin)

Vitamin B12 là loại vitamin tương đối đặc biệt, hàm lượng có trong rau rất ít, chủ yếu là có trong thức ăn động vật. Vitamin B12 rất khó được cơ thể hấp thu trực tiếp, nó phải kết hợp với canxi thì mới có lợi cho hoạt động chức năng của cơ thể.

**** Lượng cần thiết mỗi ngày***

Người lớn mỗi ngày cần 2mg. Phụ nữ mang thai cần 2,2mg, đang cho con bú cần 2,6mg. Hấp thu cùng với canxi và axit folic thì hiệu quả sẽ tốt hơn.

**** Nguồn thức ăn chứa vitamin B12***

Vitamin B12 có trong nội tạng động vật, thịt nạc, cá, trứng, sữa, táo đỏ, bí ngô...

**** Nhóm người cần bổ sung vitamin B12***

Người già, người ăn chay phải bổ sung vitamin B12.

Nếu bạn phải thường xuyên tiếp khách, uống nhiều rượu thì việc bổ sung vitamin B12 là rất quan trọng.

Vitamin B12 rất quan trọng và có ích cho bạn trong thời kì kinh nguyệt và trước thời kì kinh nguyệt. Phụ nữ mang thai hoặc đang cho con bú cũng cần phải bổ sung vitamin B12.

**** Chứng thiếu vitamin B12***

Thiếu vitamin B12 sẽ dẫn đến thiếu máu ác tính, các bệnh về não như trí nhớ giảm, đau đầu, ngáy ngô...

**** Công dụng***

- Thúc đẩy hình thành và tái sinh hồng cầu để phòng thiếu máu.

- Giữ gìn hệ thống thần kinh khoẻ mạnh.

- Thúc đẩy sự trưởng thành của nhi đồng, tăng sự thèm ăn.

- Chuyển hoá axit béo, làm cho chất béo, đường, đạm được cơ thể sử dụng.

- Giảm lo lắng, tập trung sự chú ý, tăng cường trí nhớ và cảm giác cân bằng.

Bách khoa Vitamin

◆ Vitamin C (axit ascorbic)

Vitamin C là vitamin tan trong nước là những chất dinh dưỡng tốt nhất, không những là thuốc làm đẹp dung nhan, mà còn là vitamin chống ôxy hoá, bảo vệ tế bào, thậm chí còn chống cả ung thư.

Vitamin C có phổ biến trong các loại rau, hoa quả, nhưng dễ bị môi trường bên ngoài phá huỷ.

** Lượng cần thiết mỗi ngày*

Người lớn mỗi ngày cần 60mg. Phụ nữ trong thời gian mang thai và cho con bú thì cần nhiều hơn, mỗi ngày 70 - 95mg. Nhưng phải chú ý vitamin C tuy tốt nhưng nếu hấp thu quá nhiều sẽ có thể gây ra một số tác dụng phụ. Ngoài ra, sau khi uống sâm, trong vòng 3 tiếng đồng hồ không nên uống thuốc vitamin C hoặc ăn thức ăn chứa nhiều vitamin C.

** Chu kì bổ sung*

Vitamin C chỉ lưu lại trong cơ thể 4 tiếng đồng hồ, cho nên mỗi ngày bổ sung (uống) 2 lần.

** Thức ăn chứa vitamin C*

Rau xanh, ớt xanh, cà chua, ớt, súp lơ, khoai tây, táo, đào...

** Những người cần bổ sung vitamin C*

Những người hút thuốc lá, uống rượu và thích ăn thịt, nên bổ sung vitamin C sẽ rất có lợi cho sức khỏe.

Những người uống thuốc tránh thai, thuốc kháng sinh, aspirin phải tăng thêm lượng vitamin C.

Carbon monoxide sẽ phá huỷ vitamin C, cho nên những người sống ở thành phố phải tăng cường hấp thu vitamin C.

** Chứng thiếu vitamin C*

Nếu thiếu nhiều vitamin C sẽ xuất hiện bệnh hoại huyết.

** Biểu hiện quá liều vitamin C*

Nếu không có tác dụng phụ thì chưa chứng minh được là quá liều lượng.

◆ **Vitamin D**

Vitamin D là loại vitamin tan trong mỡ, được gọi là vitamin của ánh nắng mặt trời, chỉ cần da tiếp xúc với ánh nắng mặt trời chiếu vừa phải là sẽ không bị thiếu vitamin D. Vitamin D cùng với canxi và photpho có tác dụng kiện toàn hệ thống xương, răng của cơ thể, để phòng được bệnh còi xương và bệnh loãng xương.

** Lượng cần thiết mỗi ngày*

Người lớn bình thường mỗi ngày cần 200 - 400 IU (5 - 10mg) là có thể đáp ứng đủ nhu cầu. Phụ nữ mang thai và đang cho con bú cần gấp đôi.

** Chu kỳ bổ sung*

Những người bị thiếu vitamin D chỉ cần bổ sung mỗi ngày một lượng nhỏ là được.

** Thức ăn chứa vitamin D*

Gan, dầu gan cá, sản phẩm sữa (trừ sữa tách bơ), trứng, cá.

Bách khoa Vitamin

**** Nhóm người cần bổ sung***

Những người sống ở thành phố, đặc biệt là những người sống trong những khu vực bị ô nhiễm khói bụi phải bổ sung vitamin D nhiều hơn.

Những người làm nghề bàn giấy, làm đêm hoặc làm những nghề ít được tiếp xúc với ánh nắng mặt trời phải chú ý hơn đến việc bổ sung vitamin D trong ăn uống.

Những người ăn chay, trẻ nhỏ và người già phải bổ sung vitamin D.

**** Chứng thiếu vitamin D***

Thiếu vitamin D có thể dẫn đến bệnh còi xương, bệnh mềm xương, sâu răng, loãng xương.

**** Biểu hiện quá liều lượng vitamin D***

Nhịp tim không đều, huyết áp tăng cao, co giật, suy thận, nôn tháo...

**** Công dụng***

- Thúc đẩy hấp thu canxi và photpho, tăng cường cho xương và răng.

- Điều tiết sự phát triển, giúp cho trẻ nhỏ phát triển bình thường, phòng chữa bệnh còi xương.

- Giúp hấp thu vitamin A.

- Có tác dụng để phòng loãng xương, thiếu canxi ở thời kỳ mãn kinh.



◆ Vitamin E (tocopherol)

Vitamin E là loại vitamin tan trong mỡ, nó có hiệu quả rõ rệt trong việc đề phòng bệnh tim, và có tác dụng chống ôxy hoá rất mạnh. Không những có thể đề phòng được bệnh của người lớn, giữ chức năng của tuổi thanh xuân.

* *Lượng cần thiết mỗi ngày*

Người lớn mỗi ngày cần 10 - 12 mg. Phụ nữ mang thai hoặc đang cho con bú tăng thêm mỗi ngày 5 - 10mg. Phụ nữ đang trong thời kì tiền mãn kinh thì cần 20mg.

* *Chu kì bổ sung*

Mỗi ngày 1 - 2 lần.

* *Thức ăn chứa vitamin E*

Đậu tương, dầu thực vật, mạch nha, quả khô, cam quýt, rau xanh, bột ngũ cốc, trứng, lươn...

* *Nhóm người cần bổ sung vitamin E*

Những người uống nước thiên nhiên dùng clo khử độc phải uống thêm vitamin E.

Những người uống thuốc tránh thai, hoocmôn phải bổ sung thêm vitamin E.

Những người mắc bệnh tim, phụ nữ mang thai, người già và trung niên đều phải bổ sung vitamin E.

* *Chứng thiếu vitamin E*

Thiếu vitamin E có thể sinh ra thiếu máu dạng máu loãng, bệnh cơ, chức năng sinh dục kém, rụng tóc, lão hoá...

Bách khoa Vitamin

** Biểu hiện thừa vitamin E*

Đau bụng ỉa chảy, thanh thiếu niên nhi đồng phát triển sớm, vú to, đau đầu, nôn...

** Công dụng*

- Làm chậm lại quá trình lão hoá, ôxy hoá của tế bào, làm đẹp da, chữa tàn nhang.

- Làm sạch máu, giảm mật độ lipoprotein mật độ thấp, tránh xơ cứng động mạch.

- Thúc đẩy hồng cầu phát triển bình thường, tránh đông máu.

- Giảm huyết áp cao, giảm bệnh tim do thiếu máu.

- Tăng cường công năng khử độc của gan, bảo vệ cơ thể, chống mệt mỏi.

- Thúc đẩy hoocmôn sinh dục tiết ra, nâng cao khả năng sinh dục, tránh xảy thai.

◆ Vitamin H (biotin)

Biotin không những chống rụng tóc mà còn để phòng được bạc tóc sớm hay gập hiện nay, nó đóng vai trò rất quan trọng trong việc giữ gìn và làm đẹp da, thậm chí còn có tác dụng ổn định hệ thống thần kinh như chống mất ngủ, trầm uất...

** Lượng cần thiết mỗi ngày*

Người lớn mỗi ngày cần hấp thu 25 - 300mg. Sử dụng vitamin H cùng với vitamin A, B2, B6, thì hiệu quả rất tốt.

** Nguồn thức ăn chứa vitamin H*

Gạo, lúa mì, đậu tây, bưởi, nho, bia, gan, trứng, thịt nạc, sữa...

** Những người cần bổ sung vitamin H*

Những người hay ăn trứng gà sống và uống rượu phải bổ sung vitamin H.

Những người uống thuốc kháng sinh và sunfamit mỗi ngày phải uống thêm 25 mg vitamin H.

Những người đàn ông tóc thưa phải uống vitamin H để tránh rụng tóc.

Phụ nữ trong thời gian mang thai sẽ mất đi rất nhiều vitamin H cho nên phải bổ sung theo chỉ dẫn của bác sĩ.

** Chứng thiếu vitamin H*

Rụng tóc, trầm uất, bị các bệnh về da như mẩn ngứa, viêm da và trục trặc về chuyển hoá lipit.

** Công dụng*

- Giúp chuyển hóa chất béo (lipit).
- Hỗ trợ chuyển hoá axit amin và cacbonhydrat.
- Thúc đẩy tuyến mồ hôi, tổ chức thần kinh, xương tủy, tuyến sinh dục nam, da, tóc hoạt động bình thường.
- Chống rụng tóc và bạc tóc, chữa hói đầu.
- Chữa đau cơ.

CÔNG TY TNHH EIKODO VIỆT NAM
EKD/BSQC/10032025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM	
CÔNG VĂN ĐẾN	Số: 349 ngày 19/3/2005
	CHUYÊN
	Lãnh đạo CC
	Phòng
Sao	

Hưng Yên, ngày 10 tháng 03 năm 2025

CÔNG VĂN BỔ SUNG QUY CÁCH SẢN PHẨM

Kính gửi: CHI CỤC VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM TỈNH HƯNG YÊN

Công ty chúng tôi xin gửi tới Quý Cục lời chào rất trân trọng!

Công ty chúng tôi đã được Quý Cục kiểm tra, tiếp nhận và xem xét hồ sơ tự công bố cho sản phẩm “Thực phẩm bổ sung kẹo Multi Vitamin vị mật ong chanh” số 27/EKD/2024 ngày 30/09/2024

Bằng công văn này chúng tôi đề nghị Quý Cục xem xét cho công ty chúng tôi được bổ sung quy cách sản phẩm mới cho sản phẩm theo như số của hồ sơ tự công bố đã được nêu trên, cụ thể như sau:

- Quy cách sản phẩm bổ sung: 80 g/túi sản phẩm
- Bổ sung thêm bảng giá trị dinh dưỡng cho quy cách 80 g, cụ thể như sau:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	
			Mức công bố trên 100g	NRV(%)*
1	Năng lượng	Kcal	318.2 - 477.2	15.9 - 23.9
2	Chất đạm	g	0.16 - 0.24	0.3 - 0.5
3	Carbohydrat	g	78.5 - 117.7	24.2 - 36.2
4	Đường tổng số	g	67.6 - 101.4	-
5	Chất béo	g	0.4 - 0.6	0.7 - 1.1
6	Chất béo bão hòa	g	0.3 - 0.5	1.6 - 2.4
7	Chất béo trans	g	0.0	-
8	Natri	mg	2.9 - 4.3	0.16 - 0.24



Chúng tôi cam kết, ngoài các nội dung nêu trên chúng tôi không thay đổi bất kỳ nội dung nào khác làm sai khác bản chất của sản phẩm. Chúng tôi sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với nội dung được đề cập trong công văn này.

Trân trọng cảm ơn!



ĐẠI DIỆN CÔNG TY

**TỔNG GIÁM ĐỐC
FUKUNAGA ATSUHIRO**



HALAL CERTIFICATION AGENCY

129B Tran Dang Ninh, Dich Vong Ward, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam

Tel: +842462693741 | mail: contact@halal.vn | www.halal.vn



HALAL CERTIFICATE

JAKIM Certification Scheme

Cert ID: HCA 1112/JAKIM

This is to Certify that the products of the

EIKODO VIETNAM COMPANY LIMITED

Head Office: Plot No. J-2, Thang Long Industrial Park II, Di Su Ward, My Hao Town, Hung Yen Province, Vietnam

Factory: Plot No. J-2, Thang Long Industrial Park II, Di Su Ward, My Hao Town, Hung Yen Province, Vietnam

Has been assessed and found to be in accordance with Islamic Law and Halal Standard MS 1500: 2019. The verification and certification process have been undertaken in full compliance with the requirements of Jabatan Kemajuan Islam Malaysia (JAKIM). The Certificate *does not circulate* to the market of GCC Countries & Indonesia states.

This certificate is valid for the following products:

Hard Candy; Gummy Candy; Lollipop Candy

(Appendix of Halal Certificate is attached)



Authorized by

Hj. Mohammed Omar
Director General



Issued Date : August 08th, 2024

Effective Date: August 08th, 2024

Expired Date : August 07th, 2025

★ Recognized by: JAKIM ★ MUI ★ MUIS ★ CICOT ★ Member of WHFC - World Halal Food Council ★

129B Tran Dang Ninh, Dich Vong Ward, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam
Tel: +842462693741 | mail: contact@halal.vn | www.halal.vn

List of Approved Halal Products accompanied Halal Certificate
Manufactured by

Factory: Plot No. J-2, Thang Long Industrial Park II, Di Su Ward, My Hao Town, Hung Yen Province, Vietnam

Issued Date : August 08th, 2024
Effective Date: August 08th, 2024
Expired Date : August 07th, 2025

Authorized by



Hj. Mohammed Omar
Director General

Certificate of Registration

FOOD SAFETY MANAGEMENT SYSTEM - ISO 22000:2018

This is to certify that:

EIKODO VIETNAM CO., LTD
Plot No. J-2,
Thang Long Industrial Park II,
Di Su Ward, My Hao Town,
Hung Yen Province,
Vietnam

Holds Certificate Number:

FSMS 707376

and operates a Food Safety Management System which complies with the requirements of ISO 22000:2018 for the following scope:

The Manufacture and Supply of Candies.

Category: CIV.

For and on behalf of BSI:



Chris Cheung, Head of Compliance & Risk - Asia Pacific

Original Registration Date: 2020-08-24

Latest Revision Date: 2020-08-24

Effective Date: 2020-08-24

Expiry Date: 2023-08-23

Page: 1 of 1



...making excellence a habit.™

This certificate was issued electronically and remains the property of BSI and is bound by the conditions of contract. An electronic certificate can be authenticated [online](https://www.bsi-global.com/ClientDirectory). Printed copies can be validated at www.bsi-global.com/ClientDirectory or telephone +84 (8) 3820 0066. Further clarifications regarding the scope of this certificate and the applicability of ISO 22000:2018 requirements may be obtained by consulting the organization. This certificate is valid only if provided original copies are in complete set.

Certificate of Registration

BSI Assurance UK Limited certifies that the Food Safety Management System of:

EIKODO VIETNAM CO., LTD
Plot No. J-2, Thang Long Industrial Park II, Di Su Ward,
My Hao Town, Hung Yen Province
Vietnam

Has been assessed and determined
to comply with the requirements of:

FSSC 22000

Certification scheme for food safety
management systems consisting of
the following elements:

ISO 22000:2018,
ISO/TS 22002-1:2009
Additional FSSC 22000 requirements (Version 6)

This certificate is applicable for the
scope of:

The Processing (cooking, mixing, moulding, wrapping) of candies
and supplement candies (hard, soft, lollipop, jelly) packed in
flexible packaging.

Food Chain Subcategory:
CIV - Processing of Ambient Stable Products

Date of the last unannounced audit*:	10 April 2024
Certificate registration number:	FSSC 792627
COID Code:	VNM-1-8055-169004
Certification decision date:	28 May 2024
Initial certification date:	07 August 2023
Issue date:	31 May 2024
Valid until:	06 August 2026

*At least one (1) surveillance audit is required to be undertaken unannounced after the
initial certification audit and within each three (3) year period thereafter.

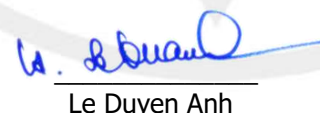


Authorized by:


Matt Page

Managing Director Assurance – UK & Ireland

On behalf of BSI Vietnam:


Le Duyen Anh

Managing Director Vietnam

SỞ Y TẾ HUNG YÊN
CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH
THỰC PHẨM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 237/QĐ- ATTP

Hung Yên, ngày 14 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12;

Căn cứ Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Quyết định số 1247/QĐ-UBND ngày 06/7/2009 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm trực thuộc Sở Y tế Hưng Yên;

Căn cứ Biên bản số 80/BB-ĐKT ngày 23/11/2018 của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Hưng Yên về việc thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm;

Xét đề nghị của Ông Nguyễn Lê Cường – Phụ trách bộ phận tiếp nhận và trả kết quả,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với việc sản xuất thực phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng, thực phẩm bao gói sẵn của Công ty TNHH Eikodo Việt Nam (có giấy chứng nhận kèm theo).

Điều 2. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả có trách nhiệm bàn giao hồ sơ, Văn phòng quản lý hồ sơ cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Văn phòng, Phòng Nghiệp vụ Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm và cơ sở thực phẩm có tên tại Điều 1 có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, NV.

CHI CỤC TRƯỞNG



Đỗ Mạnh Hùng

Hồ sơ cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm của Công ty TNHH Eikodo Việt Nam gồm:

1. Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (ATTP).
 2. Bản sao giấy đăng ký kinh doanh.
 3. Bản vẽ mặt bằng, quy trình sản xuất và thuyết minh cơ sở vật chất trang thiết bị dụng cụ.
 4. Giấy chứng nhận sức khỏe của người trực tiếp tiếp xúc với thực phẩm.
 5. Giấy xác nhận kiến thức ATTP của người trực tiếp tiếp xúc với thực phẩm.
 6. Biên bản số 80/BB-ĐKT ngày 23/11/2018 của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Hưng Yên về việc thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm;
 7. Quyết định cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP.
 8. Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP.
- * Các giấy tờ, hồ sơ trên được lưu tại Phòng hành chính tổng hợp.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM
CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM TỈNH HUNG YÊN
CHỨNG NHẬN

Tên cơ sở: Công ty TNHH Eikodo Việt Nam

Địa chỉ: Lô đất J-2, KCN Thăng Long II, xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 02213974482

ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM THEO QUY ĐỊNH:

Sản xuất, kinh doanh thực phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng, thực phẩm bao gói sẵn

Hung Yên, ngày 14 tháng 12 năm 2018

CHI CỤC TRƯỞNG



Đỗ Mạnh Hùng

Số cấp: 75/2018/ATTP-CNĐK

Có hiệu lực đến ngày 14 tháng 12 năm 2021